**Một số điểm mới của Bộ Luật dân sự 2015 về Thừa kế**

***Đầu tiên là,*** về đối tượng được hưởng thừa kế thì trong BLDS năm 2015  có quy định về đối tượng  được hưởng không phải cá nhân. Và quyền được hưởng thừa kế theo di chúc còn được đặt ra với cả cơ quan, tổ chưc- không phải là cá nhân. Trong  BLDS năm 2005 có quy định gián tiếp về người thừa kế có cả cơ quan, tổ chức  “ .. *Trong trường hợp người thừa kế theo di chúc là cơ quan, tổ chức thì phải là cơ quan, tổ chức tồn tại vào thời điểm mở thừa kế”Điều 635.*Trong Bộ luật dân sự năm 2015 quy định rõ và cụ thể hơn về quyền được hưởng thừa kế của cơ quan tổ chức*.*

***Thứ hai,*** Quyền của người quản lý di sản đã được quy định chặt chẽ hơn. Trong BLDS năm 2005 có quy định về thù lao cho người quản lý di sản thừa kế là sự thỏa thuận với người được hưởng thừa kế. Nhưng trong thực tế có sự mâu thuẫn về các lợi ích  liên quan đến thù giữa người quản lý di sản và người hưởng thừa kế. Để bảo vệ quyền lợi cũng như công sức của người quản lý di sản trong trường hợp các bên không thỏa thuận được với nhau về mức thù lao thì người quản lý di sản được hưởng một khoản thù lao hợp lý với công sức bỏ ra để quản lý di sản và mức thù lao đó do người hưởng thừa kế chi trả- khoản 3 Điều 618 *“…. Trường hợp không đạt được thỏa thuận với những người thừa kế về mức thù lao thì người quản lý di sản được hưởng một khoản thù lao hợp lý”.* Bên cạnh đó, trong thực tế bảo quản di sản để trách di sản để lại không bị hư hỏng, mất mát đến khi chia di sản thì người quản lý di sản phải bảo quản di sản không bị thay đổi nhiều đến khi chia.  Và những chi phí bảo quản đó thì người quản lý di sản sẽ được thanh toán từ những người thừa kế, đó là khoản chi phí bắt buộc phải chi trả cho người quản lý di sản (nếu có). Trong BLDS năm 2015 còn đưa thêm đối tượng được thanh toán chi phí bảo quản và thù lao quản lý di sản ngoài người quản lý di sản theo ý chí của người để lại di chúc, sự thỏa thuận của những người thừa kế thù những người đang chiểm hữu, sử dụng, quản lý di sản cũng được hưởng thù lao từ người hưởng thừa kế và chi phí bảo quản di sản đến khi giao cho người khác quản lý.  Khoản 2 Điều 616 về người quản lý di sản:*Trường hợp di chúc không chỉ định người quản lý di sản và những người thừa kế chưa cử được người quản lý di sản thì người đang chiếm hữu, sử dụng, quản lý di sản tiếp tục quản lý di sản đó cho đến khi những người thừa kế cử được người quản lý di sản*.

Trong thứ tự ưu tiên thanh toán trước khi chia di sản tại điều 658 BLDS năm 2015 thì chi phí cho việc bảo quản di sản đã được ưu tiên thanh toán hơn trước, sau các khoản chi phí về mai táng và cấp dưỡng còn thiếu thì những người thừa kế phải ưu tiên thanh toán chi phí bảo quản di sản cho người quản lý di sản.  Một lần nữa thấy được sự chú trọng của nhà làm luật trong việc bảo vệ quyền lợi cho người quản lý di sản.

***Thứ tư,*** Thời hiệu khởi kiện về thừa kế đã được BLDS năm 2015 quy định rõ ràng và cụ thể hơn với từng loại tài sản. Trong thực tiến áp dụng BLDS năm 2005 thì thơi hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế kể từ thời điểm mở thừa kế là 10 năm nhưng nhiều trường hợp khi nộp đơn lên Tòa án yêu cầu chia di sản nhưng bị trả lại đơn do hết thời hiệu khởi kiện. Những di sản về quyền sử dụng đất, tài sản đăng ký quyền sở hữu không làm thủ tục đăng ký sang tên được và cũng không có cách giải quyết vụ thể vì không có quy định về giải quyết các vấn đề này khi phát sinh. Để giải quyết những hạn chế gặp phải thì BLDS năm 2015 có quy định cụ thể cho từng loại di sản phù hợp với đặc điểm của di sản đó. Tại Điều 623 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định về Thời hiệu thừa kế:

*1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó. Trường hợp không có người thừa kế đang quản lý di sản thì di sản được giải quyết như sau:*

*a) Di sản thuộc quyền sở hữu của người đang chiếm hữu theo quy định tại Điều 236 của Bộ luật này;*

*b) Di sản thuộc về Nhà nước, nếu không có người chiếm hữu quy định tại điểm a khoản này.*

*2. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là 10 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.*

*3. Thời hiệu yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là 03 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.*

Như vậy, với di sản là bất động sản thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm, với động sản là 10 năm kể từ tời điểm mở thừa kế, không quy định chung một thời hiệu như trước là 10 năm cho mọi loại di sản như BLDS năm 2005. Và khi hết thời hiệu khởi kiện mà không có người yêu cầu chia thừa kế thì di sản được giải quyết theo hai hướng. Thứ nhất sẽ thuộc về người đang quản lý di sản là người thừa kế thì di sản thuộc quyền sở hữu của họ; thứ hai, nếu người đang quản lý di sản không phải là người thừa kế thì phân thành hai trường hợp:

-      Nếu người đang quản lý di sản là người đang chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu.

-       Nếu không có người chiếm hữu, người được lợi về tài sản thì di sản thuộc về Nhà nước.

Quy định mới này giúp cho người làm luật có hướng cụ thể, thống nhất khi gặp các vấn đề phát sinh khi hết thời hiệu khởi kiện.

***Thứ năm,*** Về người người lập di chúc. Trong BLDS năm 2005 thì người lập di chúc là người đã thành niên thì có quyền lập di chúc trừ trường hợp người lập di chúc bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác không thể nhận thức, làm chủ hành vi của mình. Trong luật không có quy định về khả năng nhận thức, tình trạng của người lập di chúc trong lúc lập di chúc. Để đảm bảo ý chí  trong di chúc của người để lại di chúc thì  Điều 625 BLDS năm 2015 về người lập di chúc có thêm điều kiện để được công nhận người bản di chúc có giá trị pháp luật, cụ thể:

*1. Người thành niên có đủ điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 630 của Bộ luật này có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình*

*a) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe doạ, cưỡng ép;*

***Thứ sáu,*** chữ viết và tiếng nói của di chúc, trong BLDS năm 2005 có quy định thêm về người dân tộc thiểu số có quyền lập di chúc bằng chữ viết hoặc tiếng nói của dân tộc mình. Nhưng trong BLDS năm 2015 thì đã bỏ đi phần quy định về tiếng nói, chữ viết của di chúc. Bộ luật mới không có quy định cụ thể về tiếng nói, chữ viết của di chúc như vậy thì di chúc sẽ được lập bằng bất kỳ tiếng nói, hay chữ viết của dân tộc mình. Trong quy định về  công bố di chúc thì có quy định về chữ viết trong bản di chúc được viết bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra bằng tiếng Việt và phải công chứng chứng thực bản dịch đó mới có giá trị pháp luật. Cụ thể tại khoản 5 Điều 647: *Trường hợp di chúc được lập bằng tiếng nước ngoài thì bản di chúc đó phải được dịch ra tiếng Việt và phải có công chứng hoặc chứng thực.* theo quy định thì ta có thể hiểu là người dân tộc vẫn có thể dùng chữ viết, tiếng nói của dân tộc mình để lập di chúc nhưng khi công bố di chúc phải được dịch ra tiếng Việt và phải có công chứng hoặc chứng thực.

***Thứ bảy,*** nội dung di chúc. Điểm mới của BLDS năm 2015 thì nội dung di chúc được tẩy xóa, sửa chữa nhưng để di chúc có hiệu lực và được minh bạch về nội dung thì người lập di chúc và người làm chứng phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc phần bị tẩy xóa, sửa chữa thêm tránh sự thay đổi nội dung di chúc mà không có sự đồng ý của người để lại di chúc. Cụ thể, Khoản 3 Điều 631. Nội dung của di chúc:

*“Di chúc không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu, nếu di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được ghi số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc.*

*Trường hợp di chúc có sự tẩy xóa, sửa chữa thì người tự viết di chúc hoặc người làm chứng di chúc phải ký tên bên cạnh chỗ tẩy xóa, sửa chữa”.*

***Thứ tám,*** người làm chứng trong di chúc là người có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, trong BLDS năm 2015 có thêm người khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi là những người không có đủ năng lực hành vi dân sự. Nên những người này cũng không được làm người làm chứng trong việc lập di chúc. Như vậy, theo quy định mới tại Điều 632 thì ngoài những đối tượng quy định trong luật cũ thì còn thêm người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi không được làm chứng cho việc lập di chúc.

***Thứ chín,*** trường hợp di chúc bị thất lạc, như quy định của BLDS năm 2005 về việc xử lý di chúc bị thất lạc thì di chúc sẽ được giải quyết theo hai trường hợp: di chúc bị thất lạc và không có bằng chứng nào chứng minh được ý chí nguyện đích thực của người lập di chúc thì coi như không có di chúc và chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật; trường hợp di sản chưa được chia mà tìm thấy di chúc thì chia di sản theo di chúc. Còn trường hợp tìm thấy di chúc nhưng di sản thừa kế đã chia theo pháp luật thì chưa có cách giải quyết cụ thể. Để khắc phục hạn chế trên thì trong BLDS năm 2015 còn quy định thêm về trường hợp vẫn còn thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế và tìm thấy di chúc bị thất lạc và tài sản đã chia thì sẽ được chia theo nội dung di chúc nếu những người thừa kế có yêu cầu chia di sản theo di chúc. Cụ thể được quy định tại khoản 3 Điều 642  BLDS năm 2015: *Trong thời hiệu yêu cầu chia di sản, trường hợp di sản đã chia mà tìm thấy di chúc thì phải chia lại theo di chúc nếu người thừa kế theo di chúc yêu cầu.* Đây là điểm mới trong BLDS năm 2015 tạo sự thống nhất trong cách xử lý vấn đề phát sinh trong thừa kế mà người thừa kế khi người thừa kế có quyền yêu cầu chia di sản theo pháp luật.

***Mười là,*** về từ chối nhận di sản, trong BLDS năm 2005 có quy định về thời hạn để yêu cầu từ chối nhận di sản là 6 tháng, nếu trong vòng 6 tháng kể từ thời điểm mở thừa kế mà không có ai yêu cầu từ chối nhận di sản thì coi như người thừa kế đồng ý nhận di sản. Nhưng trong thực tế do nhiều yếu tố như khoảng cách… mà người thừa kế không tiếp nhận được thời điểm mở thừa kế để từ chối nhận di sản, khi có yêu cầu từ chối nhận di sản để nhượng quyền hưởng di sản cho người khác nhưng hết thời hạn 6 tháng yêu cầu từ chối nên họ vẫn phải nhận di sản thừa kế theo quy định. Để thể hiện ý chí của người thừa kế nên trong BLDS năm 2015 đã không quy định một thời hạn cụ thể để từ chối mà thời gian từ chối nhận di sản sẽ phải thực hiện trước thời điểm phân chia di sản. Cụ thể quy định tại khoản 3 Điều 620: *Việc từ chối nhận di sản phải được thể hiện trước thời điểm phân chia di sản.* Như vậy, với quy định thay đổi này thì người từ chối nhận di sản chi cần yêu cầu từ chối nhận di sản trước khi chia di sản thừa kế sẽ được pháp luật công nhận và làm theo yêu cầu của người thừa kế. Điều này đảm bảo quyền của người thừa kế khi còn trong thời hạn khởi kiện yều cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

***Mười một là,*** quy định cụ thể hơn về người được di tặng tài sản. Cũng giống như quy định về người thừa kế thì người được di tặng cá nhân phải còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết. Trường hợp người được di tặng không phải là cá nhân thì phải tồn tại vào thời điểm mở thừa kế. Như vậy theo quy định mới thì người được di tặng phải còn tồn tại khi mở thừa kế để đảm bảo quyền lợi của người được hưởng di sản.

***Mười hai,*** trong BLDS năm 2015 đã có sự thay đổi có lợi cho người thừa kế trong việc yêu cầu tòa ẩn quyết định hạn chế phân chia di sản để đảm bảo cuộc sống cho người hưởng di sản.  Trong BLDS năm 2005 có quy định về hạn chế yêu cầu phân chia di sản của người thừa kế khi việc phâm chia đó ảnh hưởng tới cuộc sống của người còn sống.  Và thời hạn hạn chế phân chia di sản là không quá 3 năm nhưng trong BLDS mới thì thời hạn này kéo dài hơn.  Để đảm bảo cuộc sống cho người còn sống thì khi hết thời hạn 3 năm yêu cầu hạn chế mà người còn sống vẫn gặp khó khăn, khi phân chia di sản sẽ ảnh hưởng nghiêm trong tới cuộc sống của họ thì người thừa kế có thể yêu cầu tòa án gia hạn thêm một thời hạn nữa và không quá 3 năm. Như vậy thời hạn tối đa để hạn chế phân chia di sản là không quá 6 năm và người thừa kế phải chứng minh việc chia di sản sẽ ảnh hưởng nghiêm trong tới cuộc sống của người còn sống.  Sau thời hạn trên thì tòa án sẽ phân chia di sản thừa kế theo quy định.

Ngoài những quy định mới so với BLDS năm 2005 thì BLDS năm 2015  đã có những thay đổi về mặt nội dung những quy định liên quan tới thừa kế có quy định trong luật chuyên ngành được bỏ đi không còn quy định nữa. Cụ thể: Bộ luật dân sự năm 2015 đã bỏ đi phần quy định về di chúc chung vợ chồng vì trong thực tế những di chúc chung vợ chồng rất ít sử dụng, di chúc thể hiện ý chí của người để lại di chúc, với di chúc chung vợ chồng thì khi một trong hai người còn sống được quyền thay đổi thừa kế sẽ không thể hiện được nguyện vọng của người đã mất.  Do vậy, di chúc chung vợ chồng không còn quy định bởi bộ luật dân sự năm 2015. Thừa kế về quyền sử dụng đất cũng như quy định về thừa kế trong quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ đã được luật chuyên ngành là luật đất đai và luất ở hữu trí tuệ điều chỉnh rất cụ thể nên những nội dung trên đã được bỏ không còn quy định trong bộ luật dân sự năm 2015.